

Số: 01/2024/QĐST-KDTM

Cẩm Khê, ngày 21 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 357, Điều 430, Điều 468, Điều 472, Điều 280 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 01/2023/TLST-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và tranh chấp hợp đồng thuê tài sản”

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T1.

Địa chỉ: Khu C, thôn T, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tiến T – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T1.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Ngọc D, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Công ty TNHH X.

Địa chỉ: Khu X, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị L – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH X.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T1 là ông Trần Tiến T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đinh Thị Ngọc D và người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH X là bà Nguyễn Thị L xác nhận đến ngày 12/4/2024, Công ty TNHH X còn nợ Công ty TNHH T1 tổng số tiền 333.500.645 đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu, năm trăm nghìn, sáu trăm bốn mươi lăm đồng). Trong đó tổng số tiền nợ gốc đã mua máy là: 147.880.000 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng), tổng số tiền nợ gốc đã thuê máy là: 167.100.933 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng), tổng số tiền lãi từ ngày 29/12/2022 đến 17/08/2023 là 18.519.712 đồng (Mười tám triệu, năm trăm mười chín nghìn, bảy trăm mười hai đồng).

2.2 Các bên thống nhất thỏa thuận cụ thể như sau:

2.2.1 Công ty TNHH X có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH T1 số tiền 333.500.645 đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu, năm trăm nghìn, sáu trăm bốn mươi lăm đồng) làm 02 lần như sau:

+ Lần 1: Ngày 20/5/2024, trả số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

+ Lần 2: Ngày 20/6/2024, trả số tiền 183.500.645 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng).

Đối với số tiền lãi từ ngày 18/08/2023 đến nay (ngày 12/4/2024), Công ty TNHH T1 không yêu cầu Công ty TNHH X phải trả.

2.2.2 Kể từ khi hết thời hạn thỏa thuận trả nợ của các lần trên, nếu Công ty TNHH X không trả được số tiền trên cho Công ty TNHH T1, Công ty TNHH T1 có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3 Về án phí: Công ty TNHH X tự nguyện chịu 8.337.516 đồng (Tám triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm mười sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Công ty TNHH T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.338.000đ (Tám triệu ba trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004748 ngày 05/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu Huyền